



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4104000006	ngày 30 tháng 6 năm 2000
Đăng ký Kinh doanh số	4104000006	ngày 13 tháng 9 năm 2005
	4104000006	ngày 30 tháng 5 năm 2006
	4104000006	ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên	Ông Adrew Colin Vallis	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 7 năm 2014)
	Ông Bùi Tấn Tài	Chủ tịch (đến ngày 15 tháng 7 năm 2014)
	Ông Lê Bá Dũng	Thành viên
	Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên
	Ông Gopaldaswamy	Thành viên (từ ngày 20/10/2014)
	Ông Vijay Maheswari	Thành viên (đến ngày 20/10/2014)
	Ông Phạm Phú Khôi	Thành viên (đến ngày 20/10/2014)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Khôi	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Chung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 7 năm 2014)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

41 Mạc Đĩnh Chi
Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Chợ lớn

747 Hồng Bàng
Phường 6, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Lê Ngô Cát

107N Trương Định
Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

15 Hoàng Diệu
Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Chi nhánh Quảng Ninh

747 - 749 Lê Thánh Tông
Phường Bạch Đằng
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng

Lầu 4, Tòa nhà 218 Bạch Đằng
Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Chi nhánh Khánh Hòa

80 Quang Trung
Phường Lộc Thọ
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Vũng Tàu	111 Hoàng Hoa Thám Phường 2 Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Tân An, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 7 đến 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-290/2




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		2.059.901.222.754	2.065.006.099.177
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	515.709.414.817	171.699.203.874
Tiền	111		515.709.414.817	171.699.203.874
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	421.842.622.998	447.272.004.006
Đầu tư ngắn hạn	121		424.816.718.250	674.750.680.470
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.974.095.252)	(227.478.676.464)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.121.024.508.034	1.410.547.908.252
Trả trước cho người bán	132		7.212.929.400	4.877.399.600
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	1.769.118.988	71.874.463.725
Các khoản phải thu khác	138	8	1.112.217.159.086	1.340.365.597.897
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(1.223.429.440)	(7.618.282.970)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.324.676.905	35.486.983.045
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		974.532.823	546.554.225
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		338.395.082	61.570.421
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	34.830.358.399
Tài sản ngắn hạn khác	158		11.749.000	48.500.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		209.151.716.050	403.657.441.906
Tài sản cố định	220		53.376.747.653	50.446.147.463
Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.939.929.223	50.441.372.474
Nguyên giá	222		86.447.618.430	81.312.896.788
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.507.689.207)	(30.871.524.314)
Tài sản cố định vô hình	227	11	436.818.430	4.774.989
Nguyên giá	228		3.123.445.796	2.537.629.746
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.686.627.366)	(2.532.854.757)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	135.909.083.124	334.417.385.968
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	200.000.000.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	200.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		150.094.515.860	150.344.515.860
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(14.185.432.736)	(15.927.129.892)
Tài sản dài hạn khác	260		19.865.885.273	18.793.908.475
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.172.428.070	2.072.781.272
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	13	18.144.000.003	15.644.000.003
Tài sản dài hạn khác	268	14	549.457.200	1.077.127.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.269.052.938.804	2.468.663.541.083

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		577.166.550.341	789.132.785.734
Nợ ngắn hạn	310		577.166.550.341	789.132.785.734
Nợ ngắn hạn	311	15	228.000.000.000	500.000.000.000
Phải trả người bán	312		291.543.700	24.776.095
Người mua trả tiền trước	313		135.454.545	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	17.006.563.264	2.925.961.098
Phải trả người lao động	315		14.076.933.659	10.108.360.500
Chi phí phải trả	316	17	4.055.045.966	5.416.510.317
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	234.071.140.225	183.959.266.295
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	19	75.430.686.539	82.558.318.588
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		3.247.966.557	3.309.047.069
Doanh thu chưa thực hiện	328		851.215.886	830.545.772
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.691.886.388.463	1.679.530.755.349
Vốn chủ sở hữu	410		1.691.886.388.463	1.679.530.755.349
Vốn góp	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	417	20	85.318.244.624	72.725.448.008
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	106.568.143.839	93.975.347.223
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	12.829.960.118
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.269.052.938.804	2.468.663.541.083

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	567.500.940.000	685.808.890.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	16.207.441.660.000	15.774.758.180.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	12.518.442.820.000	9.766.117.640.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	40.109.880.000	211.644.800.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	12.207.385.290.000	9.290.211.710.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	270.947.650.000	264.261.130.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	59.750.850.000	92.185.420.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	20.000.000.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	56.625.850.000	58.328.300.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	3.125.000.000	13.857.120.000
6.3 <i>Chứng khoán cầm cố</i>	017	3.342.680.020.000	4.184.524.660.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	64.377.020.000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.278.303.000.000	4.184.524.660.000
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	282.750.210.000	235.069.520.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	1.514.300.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	282.718.410.000	233.555.220.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	31.800.000	-
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	3.817.760.000	11.807.630.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	20.000	40.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	3.705.770.000	11.030.440.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	111.970.000	777.150.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)			
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	1.485.053.310.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	-	1.485.053.310.000
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	159.009.110.000	1.742.714.220.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	159.007.110.000	1.007.896.610.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	6.080.270.000	6.081.100.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	152.005.800.000	998.819.490.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	921.040.000	2.996.020.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	2.000.000	1.361.550.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	2.000.000	1.361.550.000
7.3 Chứng khoán cầm cố	061	-	733.246.510.000
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	733.246.510.000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	209.550.000
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	209.550.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	3.375.178.430.000	7.024.609.330.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	43.597.030.000	203.008.170.000

Ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:


Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên


Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng


Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu	01		370.544.461.556	465.410.818.152
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		147.251.644.743	85.660.068.793
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	21	27.197.127.625	233.947.629.373
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		360.000.000	240.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.611.484.364	2.259.860.443
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		7.136.874.158	6.661.685.097
Doanh thu khác	01.9	22	185.987.330.666	136.641.574.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		120.128.158	2.013.031
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		370.424.333.398	465.408.805.121
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	16.323.649.194	306.875.328.072
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		354.100.684.204	158.533.477.049
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	34.952.023.347	40.627.812.632
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		319.148.660.857	117.905.664.417
Thu nhập khác	31	25	298.945.368	1.647.180.500
Chi phí khác	32	26	93.703.951	318.661.820
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		205.241.417	1.328.518.680
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		319.353.902.274	119.234.183.097
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	70.219.229.706	12.316.354.332
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	5.250.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		249.134.672.568	101.667.828.765

Ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	319.353.902.274	119.234.183.097
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.875.559.842	5.799.729.149
Các khoản dự phòng	03	(232.641.131.898)	(64.447.431.663)
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05	(209.549.167.490)	(139.623.064.870)
Chi phí lãi vay	06	27.936.472.223	72.922.027.773
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(90.024.365.049)	(6.114.556.514)
Biến động chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn khác, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	522.485.863.876	1.295.924.794.745
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(27.251.483.790)	(447.366.753.692)
Biến động các khoản chi phí trả trước	12	472.374.604	950.181.963
		405.682.389.641	843.393.666.502
Tiền lãi đã trả	13	(29.615.000.000)	(345.651.000.002)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(21.804.158.108)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	527.670.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(766.265.678)	(821.173.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	354.024.635.855	496.921.493.306
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(7.811.862.086)	(625.990.150)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	78.000.000	17.818.182
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(200.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.191.250.000	316.453.070.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	256.113.756.885	179.844.019.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	448.571.144.799	295.688.917.032

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - CTCK**

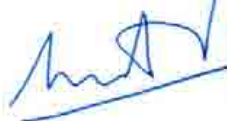
	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33	178.000.000.000	200.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	150.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc trái phiếu	34	(600.000.000.000)	(1.400.000.000.000)
Lợi nhuận đã chuyển về Ngân hàng mẹ	36	(186.585.569.711)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(458.585.569.711)	(1.200.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	344.010.210.943	(407.389.589.662)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	171.699.203.874	579.088.793.536
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	515.709.414.817	171.699.203.874

Ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:

Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 05 - CTCK

	Vốn góp VND	Quỹ dự trừ bổ sung vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.500.000.000.000	67.509.974.614	88.610.345.260	22.959.391.244	1.679.079.711.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	101.667.828.765	101.667.828.765
Trích lập quỹ trong năm	-	5.215.473.394	5.365.001.963	(10.580.475.357)	-
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(101.216.784.534)	(101.216.784.534)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.500.000.000.000	72.725.448.008	93.975.347.223	12.829.960.118	1.679.530.755.349
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	249.134.672.568	249.134.672.568
Trích lập quỹ trong năm	-	12.592.796.616	12.592.796.616	(25.185.593.232)	-
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(236.779.039.454)	(236.779.039.454)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.500.000.000.000	85.318.244.624	106.568.143.839	-	1.691.886.388.463

Ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 - CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có một công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Công ty và công ty con được gọi chung là Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 255 nhân viên (31/12/2013: 226 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư, giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Tập đoàn.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(e) Chứng khoán đầu tư

(i) Chứng khoán thương mại

Phân loại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán thương mại vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phân loại

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Phân loại

Chứng khoán sẵn sàng để bán là những chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

Do lường

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này phải có thời hạn năm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(g) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng giảm giá được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư dài hạn này khi chưa lập dự phòng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(h) Các khoản phải thu

Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này và các tài sản đảm bảo có liên quan.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc thiết bị	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	6 năm
▪ thiết bị quản lý	3 năm
▪ tài sản cố định khác	3 - 6 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 35 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Các quỹ dự trữ pháp định

(i) Công ty

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 ("Thông tư 146"), Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận :

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Việc sử dụng quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được thực hiện theo Điều 15 của Thông tư 146.

(ii) Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”)

Trước năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo chính sách của Công ty, quỹ dự phòng tài chính của ACBC được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ hiện có của công ty này và được sử dụng để bù lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Việc sử dụng quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được thực hiện theo Điều 15 của Thông tư 146.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

(q) Hợp đồng hợp tác đầu tư

Tập đoàn chuyển tiền cho đơn vị hợp tác đầu tư và đơn vị hợp tác đầu tư dùng số tiền này để thay mặt cho Tập đoàn đầu tư vào chứng khoán niêm yết theo các điều kiện của hợp đồng hợp tác đầu tư. Các tài sản và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng này được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chính sách kế toán về cách ghi nhận và phân loại áp dụng cho các tài sản và nghĩa vụ tương ứng của Tập đoàn.

Các khoản lãi/lỗ do việc bán các chứng khoán niêm yết từ các hợp đồng hợp tác đầu tư này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Dự phòng giảm giá chứng khoán từ hợp đồng hợp tác đầu tư này được xác định theo phương pháp dùng để xác định dự phòng giảm giá đầu tư như đã đề cập ở các thuyết minh 3(e) và 3(g).

(r) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****(t) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm Ngân hàng mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ này.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	16.703.453	2.099.033
Tiền gửi ngân hàng	515.692.711.364	171.697.104.841
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>73.747.306.539</i>	<i>82.500.762.588</i>
	515.709.414.817	171.699.203.874

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn không có các khoản tương đương tiền khác VND.

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	
	2014	2013	2014 VND	2013 VND
a) Cửa Tập đoàn				
Cổ phiếu	25.625.887	73.273.104	458.328.453.415	1.182.763.899.176
Trái phiếu	200.000	200.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Chứng chỉ quỹ	2.000.000	-	20.040.000.000	-
b) Cửa nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	5.017.872.606	3.248.093.757	77.057.114.911.610	42.388.978.963.270
Trái phiếu	143.715.221	105.937.762	15.460.547.228.274	11.418.568.064.822
Chứng chỉ quỹ	651.200	6.254.300	6.366.512.000	75.896.656.000
	5.190.064.914	3.433.758.923	93.202.397.105.299	55.266.207.583.268

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán được năm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo số kế toán VND	So với giá trị tăng Tăng VND	Giá trị theo giá thị trường VND
I. Chứng khoán thương mại	6.370.064	424.816.718.250	54.919.892	(2.974.095.252)
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>10.361</i>	<i>157.054.150</i>	<i>54.106.992</i>	<i>(43.924.542)</i>
VCB (a)	6	165.852	25.548	-
Khác	10.355	156.888.298	54.081.444	(43.924.542)
<i>Chứng chỉ quỹ niêm yết</i>	<i>2.000.000</i>	<i>20.040.000.000</i>	-	<i>(1.240.000.000)</i>
E1VFN30	2.000.000	20.040.000.000	-	(1.240.000.000)
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>4.359.703</i>	<i>72.351.061.322</i>	<i>812.900</i>	<i>(1.690.170.710)</i>
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)
Ngân hàng TMCP Việt A (b)	4.314.465	69.932.182.531	-	-
Khác	1.238	18.878.791	812.900	(11.770.710)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (c)	không áp dụng	332.268.602.778	-	-
				332.268.602.778

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo số kê toán VND	So với giá trị trường Tăng VND	Giá trị theo giá thị trường VND
I. Chứng khoán thương mại	21.717.617	674.750.680.470	25.218.721	(227.478.676.464) chưa xác định được
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>21.441.800</i>	<i>516.381.798.195</i>	<i>24.774.721</i>	<i>290.610.864.700</i>
HTI	13.020.640	249.068.417.527	-	65.103.200.000
VCB (a)	8.408.616	267.117.972.208	-	225.350.908.800
Khác	12.544	195.408.460	24.774.721	156.755.900
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>275.817</i>	<i>6.018.882.275</i>	<i>444.000</i>	<i>(1.682.968.248)</i> chưa xác định được
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á (b)	231.132	3.608.852.646	-	chưa xác định được
Khác	685	10.029.629	444.000	5.905.381
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (c)	không áp dụng	152.350.000.000	-	152.350.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư góp vốn và đầu tư tài chính khác được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số lượng cổ phiếu/trái phiếu		Giá trị theo số kế toán		Dự phòng giảm giá	
	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND
II. Chứng khoán đầu tư						
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn						
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời	-	2.000.000	-	200.000.000.000	-	-
III. Đầu tư tài chính khác						
<i>Cổ phiếu niêm yết (đ)</i>						
BTS (e)	11.282.057	11.284.557	150.094.515.860	150.344.515.860	(14.185.432.736)	(15.927.129.892)
ASIAGF	10.674.557	10.674.557	144.010.403.360	144.010.403.360	(14.185.432.736)	(15.927.129.892)
	8.674.557	8.674.557	123.910.403.360	123.910.403.360	(14.185.432.736)	(15.927.129.892)
	2.000.000	2.000.000	20.100.000.000	20.100.000.000	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>						
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	607.500	610.000	6.084.112.500	6.334.112.500	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB	607.500	607.500	6.084.112.500	6.084.112.500	-	-
	-	2.500	-	250.000.000	-	-

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, trong danh mục cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán thương mại, Tập đoàn đang đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“VCB”) với giá trị sổ sách là 267.117.972.208 VND. Giá trị sổ sách của chứng khoán này đã vượt quá 15% vốn chủ sở hữu của Công ty. Việc sở hữu này chưa tuân thủ điểm e, khoản 4, điều 44 của Thông tư số 210/2012/TT-BTC (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 về Hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Tập đoàn chứng khoán. Đến ngày 13 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện bán bớt 1.252.390 cổ phiếu VCB tương ứng với giá trị sổ sách là 39.054.334.038 VND và tuân thủ với quy định nêu trên.
- (b) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phiếu chưa niêm yết này có giá trị ghi sổ là 69.932.182.531 VND (31/12/2013: Không) đang được thế chấp với một ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 15).
- Tập đoàn chưa xác định giá trị thị trường của cổ phiếu này bởi vì Tập đoàn không thể tham khảo được giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (c) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tiền gửi ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 4,80% đến 4,90% (31/12/2013: 6,80% đến 8,00%).
- (d) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 22.354 triệu VND (31/12/2013: 22.354 triệu VND) cổ phiếu được Tập đoàn mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”). Tập đoàn hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên.
- (e) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 6.437.702 cổ phiếu với giá trị ghi sổ là 91.028.290.911 VND (31/12/2013: Không) đang được thế chấp với một ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 15).

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	227.478.676.464	264.829.418.458
Trích lập dự phòng trong năm	1.257.701.073	82.682.658.263
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(225.762.282.285)	(120.033.400.257)
Số dư cuối năm	2.974.095.252	227.478.676.464

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	15.927.129.892	50.053.169.581
Trích lập dự phòng trong năm	1.614.632.723	4.190.174.004
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.356.329.879)	(38.316.213.693)
Số dư cuối năm	14.185.432.736	15.927.129.892

7. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	-	70.376.939.885
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	1.769.118.988	1.497.523.840
	1.769.118.988	71.874.463.725

(*) Bao gồm trong số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là số tiền 66.323.329.885 VND phải thu từ giao dịch bán 4.083.333 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á cho Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – một công ty liên quan (“ACBR”). Vào ngày 26 tháng 5 năm 2014, Tập đoàn đã ký thỏa thuận mua lại số cổ phiếu này từ ACBR và hai bên đồng ý ký biên bản thỏa thuận cần trừ vào khoản phải thu nêu trên.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.099.479.449.117	804.547.851.253
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	23.780	475.318.093.265
Phải thu cổ tức	202.200	41.251.578.780
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	9.958.926.359	10.383.136.516
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	641.473.825	474.980.972
Phải thu lãi trái phiếu	-	6.802.777.779
Các khoản phải thu khác	2.137.083.805	1.587.179.332
	1.112.217.159.086	1.340.365.597.897

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,034% đến 0,04% trong năm. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 50% và 30%.
- (ii) Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu thể hiện số tiền phải thu từ giao dịch bán cổ phiếu niêm yết mà Tập đoàn đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với ACI và Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Á Châu Hà Nội (“ACI-HANOI”). Giao dịch bán cổ phiếu đã hoàn tất nhưng số tiền đã thu được phong tỏa bởi Ngân hàng mẹ theo thỏa thuận về việc bán tài sản đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI cho một tổ chức tín dụng trong nước. Đến ngày 13 tháng 8 năm 2014, ACI và ACI-HANOI đã thực hiện chuyển trả toàn bộ số tiền phải thu này cho Tập đoàn.

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2014	2013
Số dư đầu năm	7.618.282.970	931.332.950
Tăng dự phòng trong năm	2.359.956.590	7.029.350.020
Xóa số dự phòng trong năm	-	(342.400.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.754.810.120)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.223.429.440	7.618.282.970

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

10. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	7.801.304.660	3.572.228.509	4.615.213.021	2.878.416.203	81.312.896.788
Tăng trong năm	-	-	-	6.995.066.086	192.236.000	7.187.302.086
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(57.547.988)	(644.998.000)	(2.052.580.444)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.014.320.204	3.009.178.509	11.552.731.119	2.425.654.203	86.447.618.430
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.764.012.797	7.700.632.010	3.486.671.066	3.907.775.328	2.012.433.113	30.871.524.314
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	67.223.520	85.557.443	1.752.119.211	279.462.705	4.683.043.283
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(51.845.934)	(644.998.000)	(2.046.878.390)
Số dư cuối năm	16.262.693.201	6.980.871.074	3.009.178.509	5.608.048.605	1.646.897.818	33.507.689.207
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	48.681.721.598	100.672.650	85.557.443	707.437.693	865.983.090	50.441.372.474
Số dư cuối năm	46.183.041.194	33.449.130	-	5.944.682.514	778.756.385	52.939.929.223

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	17.953.824.566	3.572.228.509	7.884.801.132	2.972.147.792	94.828.736.394
Tăng trong năm	-	-	-	409.633.108	131.681.000	541.314.108
Thanh lý	-	(794.572.720)	-	(74.720.475)	-	(869.293.195)
Xóa sổ (*)	-	(9.357.947.186)	-	(621.293.007)	(154.775.500)	(10.134.015.693)
Phân loại lại (**)	-	-	-	(2.983.207.737)	(70.637.089)	(3.053.844.826)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.801.304.660	3.572.228.509	4.615.213.021	2.878.416.203	81.312.896.788
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.265.332.393	17.785.928.396	3.081.182.128	4.616.808.743	1.893.796.093	38.643.047.753
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	67.223.520	405.488.938	1.931.466.324	309.849.591	5.212.708.777
Thanh lý	-	(794.572.720)	-	(56.912.578)	-	(851.485.298)
Xóa sổ (*)	-	(9.357.947.186)	-	(621.293.007)	(154.775.500)	(10.134.015.693)
Phân loại lại (**)	-	-	-	(1.962.294.154)	(36.437.071)	(1.998.731.225)
Số dư cuối năm	13.764.012.797	7.700.632.010	3.486.671.066	3.907.775.328	2.012.433.113	30.871.524.314
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	51.180.402.002	167.896.170	491.046.381	3.267.992.389	1.078.351.699	56.185.688.641
Số dư cuối năm	48.681.721.598	100.672.650	85.557.443	707.437.693	865.983.090	50.441.372.474

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK**

- (*) Việc xóa sổ này phản ánh giá trị tài sản cố định đã khấu hao hết hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, tức là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên.
- (**) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, tức là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 13.821.068.185 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 13.351.042.930 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 62.445.734.395 VND (31/12/2013: Không) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 15).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2014 VND	2013 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.537.629.746	2.481.127.984
Tăng trong năm	624.560.000	84.676.042
Xóa sổ	(38.743.950)	-
Phân loại lại (*)	-	(28.174.280)
Số dư cuối năm	3.123.445.796	2.537.629.746
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.532.854.757	1.971.202.141
Khấu hao trong năm	192.516.559	587.020.372
Xóa sổ	(38.743.950)	-
Phân loại lại (*)	-	(25.367.756)
Số dư cuối năm	2.686.627.366	2.532.854.757
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	4.774.989	509.925.843
Số dư cuối năm	436.818.430	4.774.989

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK**

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, tức là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 2.498.885.796 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 2.480.329.746 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.072.781.272	1.779.866.398
Tăng trong năm	472.017.975	72.542.898
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	1.055.113.601
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (*)	-	2.806.524
Phân bổ trong năm	(1.372.371.177)	(837.548.149)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.172.428.070	2.072.781.272

- (*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, tức là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong năm (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	18.144.000.003	15.644.000.003

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua Thành viên lưu ký của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	15.644.000.003	13.144.000.003
Tiền nộp bổ sung trong năm	766.265.678	1.092.152.390
Tiền lãi trong năm	1.733.734.322	1.407.847.610
Số dư cuối năm	<u>18.144.000.003</u>	<u>15.644.000.003</u>

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và căn hộ	<u>549.457.200</u>	<u>1.077.127.200</u>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

15. Nợ ngắn hạn

	Lãi suất năm %	Ngày đáo hạn	Số dư tại ngày 1/1/2014 VND	Số tăng trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Số dư tại ngày 31/12/2014 VND
Trái phiếu ngắn hạn phát hành cho:						
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc ACB (Lô 1)	10,50%	28/11/2014	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)	-
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc ACB (Lô 2)	12,00%	03/03/2015	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-
▪ Triệu Thị Tâm	8,50%	29/12/2015	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
▪ Nguyễn Thị Thu Hương	9,00%	29/12/2015	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
▪ Huỳnh Văn Sơn	9,00%	29/12/2015	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
▪ Diệp Văn Minh	9,00%	29/12/2015	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
▪ Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9,00%	29/12/2015	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
▪ Nguyễn Thái Thảo Ly	8,50%	29/12/2015	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
▪ Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Minh Phương	8,50%	29/12/2015	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
▪ Trần Thị Tuyết Vân	9,00%	29/12/2015	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Vay ngắn hạn từ:						
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (*)	9,00%	18/05/2015	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả cho:						
▪ Ngân hàng TMCP Đại Á	7,50%	30/05/2014	300.000.000.000	-	(300.000.000.000)	-
			500.000.000.000	328.000.000.000	(600.000.000.000)	228.000.000.000

(*) Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng 4.314.465 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á với giá trị ghi sổ là 69.932.182.531 VND (31/12/2013: Không), 6.437.702 cổ phiếu BTS với giá trị ghi sổ là 91.028.290.911 VND (31/12/2013: Không) và tài sản cố định hữu hình là tòa nhà 107N Trương Định có nguyên giá 62.445.734.395 VND (31/12/2013: Không) (Thuyết minh 6 và 10).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	491.883.997	548.041.655
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	2.551.346.580	1.966.840.861
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.584.713.199	-
Các loại thuế khác	378.619.488	411.078.582
	17.006.563.264	2.925.961.098

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi trái phiếu phải trả	37.305.556	3.148.333.333
Lãi vay ngân hàng phải trả	1.432.500.000	-
Phí giao dịch phải trả Trung tâm Lưu ký, Sở Giao dịch Chứng khoán	2.567.240.410	2.232.176.984
Chi phí khác	18.000.000	36.000.000
	4.055.045.966	5.416.510.317

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	233.937.996.640	183.744.526.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	133.143.585	214.739.398
	234.071.140.225	183.959.266.295

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	75.430.686.539	82.558.318.588

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư chủ yếu phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****20. Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty và công ty con phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Trước ngày có hiệu lực của Thông tư 146, số dư tối đa của quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được áp dụng cho Công ty là 100% vốn góp. Tại ngày có hiệu lực của Thông tư 146, số dư của quỹ dự trữ này nhỏ hơn 10% vốn góp của Công ty, do đó, việc thay đổi này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

21. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	3.692.000	39.801.817.489
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán sẵn sàng để bán	-	108.701.078.000
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư	-	4.872.973.008
Thu nhập cổ tức	263.567.329	48.998.983.098
Thu nhập trái tức	26.929.868.296	31.572.777.778
	27.197.127.625	233.947.629.373

22. Doanh thu khác

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	159.280.026.405	96.978.377.431
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	18.945.838.075	31.974.870.101
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.116.319.439	4.375.958.567
Hoa hồng ứng tiền ngày T	2.170.552	1.021.999
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	642.000.000	642.000.000
Doanh thu khác	3.000.976.195	2.669.346.348
	185.987.330.666	136.641.574.446

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

23. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	24.382.284.651	13.665.970.729
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	126.573.938.189	235.620.934.732
Chi phí lưu ký chứng khoán	10.569.367.394	9.643.616.627
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán (i)	(226.246.278.368)	(71.476.781.683)
Chi phí lãi trái phiếu	26.503.972.223	72.922.027.773
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.432.500.000	-
Chi phí nhân viên trực tiếp	33.500.005.650	30.267.751.790
Khấu hao tài sản cố định	2.489.791.277	2.638.482.127
Chi phí hoa hồng	2.764.737.355	857.521.847
Chi phí thuê văn phòng	4.443.699.786	4.734.763.692
Chi phí khác	9.909.631.037	8.001.040.438
	16.323.649.194	306.875.328.072

- (i) Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm chủ yếu là khoản hoàn nhập dự phòng do bán chứng khoán VCB và HT1 từ danh mục cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán thương mại của Tập đoàn nhằm tuân thủ điểm e, khoản 4, điều 44 của Thông tư 210 (Thuyết minh 6).

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Khấu hao tài sản cố định	2.385.768.565	3.161.247.022
Chi phí nhân viên	23.939.321.764	18.148.687.553
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.394.853.530)	7.029.350.020
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	990.800.750	1.332.894.589
Thuế, phí, lệ phí	54.911.000	65.162.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.855.112.619	3.400.338.035
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.308.802.538	806.247.144
Chi phí thuê văn phòng	953.700.467	490.551.672
Chi phí khác	8.858.459.174	6.193.334.397
	34.952.023.347	40.627.812.632

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****25. Thu nhập khác**

	2014 VND	2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	78.000.000	17.818.182
Tiền phạt khách hàng chậm thanh toán	-	233.051.827
Thu nhập khác	220.945.368	1.396.310.491
	<hr/> 298.945.368	<hr/> 1.647.180.500

26. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	5.702.054	17.807.897
Chi phí khác	88.001.897	300.853.923
	<hr/> 93.703.951	<hr/> 318.661.820

27. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	70.219.229.706	12.316.354.332
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	5.250.000.000
	<hr/> 70.219.229.706	<hr/> 17.566.354.332

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	319.353.902.274	119.234.183.097
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	70.856.535.642	31.216.598.397
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(656.661.954)	(13.657.712.747)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	19.356.018	7.468.682
	<u>70.219.229.706</u>	<u>17.566.354.332</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty và công ty con là 22%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ được giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bảng sau đây thể hiện các giao dịch chủ yếu trong năm và các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Tập đoàn như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	706.430.966	519.448.716
Doanh thu nghiệp vụ ứng tiền ngày T	2.170.552	1.021.999
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.199.324.607	34.820.190.875
Thu nhập khác	642.000.000	642.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	107.397.763	112.300.322
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	125.929.440	116.632.867
Lợi nhuận đã chuyển về Ngân hàng mẹ	186.585.569.711	82.527.742.363
Bán chứng khoán vốn cho Ngân hàng mẹ	-	767.380.000
Phí tư vấn phát hành và bổ sung cổ phiếu	-	150.000.000
Chi phí điện nước phải trả	200.892.773	-
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – Công ty liên quan		
Thanh lý các khoản đầu tư	-	66.323.329.885
Mua lại các khoản đầu tư	66.323.329.885	-
Chi phí lãi vay	18.427.500.000	-
Mua lại trái phiếu phát hành	300.000.000.000	-
Doanh thu từ quản lý tài sản	250.687.448	-
Chi phí khác	968.186.719	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công đoàn ACB – Công ty liên quan		
Bán khoản đầu tư dài hạn	191.250.000	-
Các thành viên quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác – Ban Tổng Giám Đốc	4.454.762.000	6.031.441.982
Lương và các quyền lợi gộp khác – Hội Đồng Thành Viên	289.236.000	484.500.000
Lương và các quyền lợi gộp khác – Ban Kiểm Soát	141.000.000	140.950.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

	Số dư tại ngày	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi không kỳ hạn	363.227.041.952	170.773.998.027
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	332.268.602.778	152.350.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	641.473.825	474.980.972
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	233.937.996.640	183.744.526.897
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – Công ty liên quan		
Đầu tư dài hạn	-	250.000.000
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	-	66.323.329.885
Trái phiếu phát hành	-	200.000.000.000
Lãi trái phiếu phải trả	-	1.335.833.333

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

29. Biến động các khoản phải thu

Khoản mục	Tổng số VND	Số dư đầu năm Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Số phát sinh trong năm Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số dư cuối năm Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Số dự phòng cuối năm VND
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	45.989.363	(45.989.363)	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	4.877.399.600	-	-	10.107.763.796	(7.772.233.996)	7.212.929.400	-	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	-	-	1.063.297.785	(1.063.297.785)	1.048.730.000	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	71.874.463.725	-	-	19.392.306.002.473	(19.462.411.347.210)	1.769.118.988	2.354.080	2.354.080	1.540.540
5. Các khoản phải thu khác	1.340.365.597.897	15.105.467.915	14.734.452.580	16.283.835.387.354	(16.511.983.826.165)	1.112.217.159.086	4.600.219.813	1.232.238.900	1.221.888.900
	1.418.166.191.222	15.105.467.915	14.734.452.580	35.687.358.440.771	(35.983.276.694.519)	1.122.247.937.474	4.602.573.893	1.234.592.980	1.223.429.440

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Tập đoàn ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Tập đoàn ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	515.692.711.364	171.697.104.841
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	332.268.602.778	152.350.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	1.769.118.988	71.874.463.725
Các khoản phải thu khác (ii)	1.112.217.159.086	1.340.365.597.897
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (iii)	-	200.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	18.144.000.003	15.644.000.003
Tài sản tài chính khác	561.206.200	1.125.627.200
	<hr/>	<hr/>
	1.981.701.528.419	1.954.105.523.666
Các cam kết ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất		
Các thỏa thuận đảm bảo thanh toán	-	618.168.417.065
	<hr/>	<hr/>
	1.981.701.528.419	2.572.273.940.731
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng mẹ. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng cho các khoản phải thu.

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(iii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn giới hạn ảnh hưởng của rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Với mức độ rủi ro tín dụng nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Bảng phân tích tài sản tài chính có đảm bảo và không đảm bảo chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	515.692.711.364	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	332.268.602.778	332.268.602.778
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.766.764.908	1.766.764.908
Các khoản phải thu khác	1.106.070.585.963	1.546.353.310	1.107.616.939.273
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	18.144.000.003	18.144.000.003
Tài sản tài chính khác	-	561.206.200	561.206.200
	1.106.070.585.963	871.028.368.563	1.977.098.954.526
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	171.697.104.841	171.697.104.841
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	152.350.000.000	152.350.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	71.874.463.725	71.874.463.725
Các khoản phải thu khác	814.930.987.769	510.329.142.213	1.325.260.129.982
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	15.644.000.003	15.644.000.003
Tài sản tài chính khác	-	1.125.627.200	1.125.627.200
	1.014.930.987.769	924.069.067.982	1.939.000.055.751

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa tổn thất như sau:

	Các khoản phải thu khác	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Quá hạn dưới 6 tháng	3.367.980.913	371.015.335

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Phải thu hoạt	Các khoản
	động giao dịch	phải thu khác
	chứng khoán	VND
	VND	VND
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.627.080	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	727.000	1.197.238.900
Quá hạn 3 năm trở lên	-	35.000.000
	2.354.080	1.232.238.900

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Các khoản
	phải thu khác
	VND
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	13.571.713.680
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.072.738.900
Quá hạn 3 năm trở lên	90.000.000
	14.734.452.580

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính đã quá hạn và bị tổn thất:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	13.548.818.533	7.295.651.843

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm được trình bày trong Thuyết minh 9.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Tập đoàn luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách phát hành trái phiếu và đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	228.000.000.000	239.945.958.333	239.945.958.333
Phải trả người bán	291.543.700	291.543.700	291.543.700
Chi phí phải trả	4.055.045.966	4.055.045.966	4.055.045.966
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	234.071.140.225	234.071.140.225	234.071.140.225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	75.430.686.539	75.430.686.539	75.430.686.539
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.247.966.557	3.247.966.557	3.247.966.557
	545.096.382.987	557.042.341.320	557.042.341.320

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	500.000.000.000	528.741.666.667	528.741.666.667
Phải trả người bán	24.776.095	24.776.095	24.776.095
Chi phí phải trả	5.416.510.317	5.416.510.317	5.416.510.317
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	183.959.266.295	183.959.266.295	183.959.266.295
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	82.558.318.588	82.558.318.588	82.558.318.588
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.309.047.069	3.309.047.069	3.309.047.069
	775.267.918.364	804.009.585.031	804.009.585.031

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013, rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn không có các trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bảng tóm tắt lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền và các khoản tương đương tiền	515.692.711.364	171.697.104.841
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	332.268.602.778	152.350.000.000
Phải thu khác	1.099.479.449.117	804.547.851.253
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	200.000.000.000
Nợ ngắn hạn	(228.000.000.000)	(200.000.000.000)
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Nợ ngắn hạn	-	(300.000.000.000)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ không làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.250 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết thuộc chứng khoán thương mại của Tập đoàn là 18.967.236.600 VND (31/12/2013: 290.610.864.700 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 17% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn sẽ giảm 1.086.853.486 VND hoặc tăng 2.820.338.740 VND tương ứng (năm kết thúc ngày 31/12/2013: giảm 21.786.113.783 VND hoặc tăng 21.790.887.748 VND tương ứng).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cũng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
▪ Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết	20.197.054.150	18.967.236.600	516.381.798.195	290.610.864.700
▪ Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại chưa niêm yết	2.400.000.000	721.600.000	2.400.000.000	721.600.000
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	69.932.182.531	(*)	3.608.852.646	(*)
- Ngân hàng TMCP Việt Á	18.878.791	7.920.981	10.029.629	5.905.381
- Khác	-	-	200.000.000.000	(*)
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	515.709.414.817	515.709.414.817	171.699.203.874	171.699.203.874
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	332.268.602.778	(*)	152.350.000.000	(*)
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	1.048.730.000	(*)	1.048.730.000	(*)
▪ Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.769.118.988	(*)	71.874.463.725	(*)
▪ Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.110.993.729.646	(*)	1.332.747.314.927	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	18.144.000.003	(*)	15.644.000.003	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	561.206.200	(*)	1.125.627.200	(*)
▪ Tài sản tài chính khác				

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản sẵn sàng để bán:				
▪ Chứng khoán niêm yết	129.824.970.624	87.526.633.200	128.083.273.468	54.033.139.400
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	6.084.112.500	(*)	6.334.112.500	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Nợ ngắn hạn	(228.000.000.000)	(*)	(500.000.000.000)	(*)
▪ Phải trả người bán	(291.543.700)	(*)	(24.776.095)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(4.055.045.966)	(*)	(5.416.510.317)	(*)
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(234.071.140.225)	(*)	(183.959.266.295)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(75.430.686.539)	(*)	(82.558.318.588)	(*)
▪ Phải trả hộ có tức, gốc và lãi trái phiếu	(3.247.966.557)	(*)	(3.309.047.069)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2014 VND	2013 VND
Mua lại các khoản đầu tư bằng cách cân trừ công nợ phải thu (Thuyết minh 7)	66.323.329.885	-
Thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh 8)	23.780	475.316.726.990

32. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	4.948.992.900	3.457.892.400
Từ hai đến năm năm	16.295.091.600	4.667.586.300
Trên năm năm	17.620.515.900	-
	38.864.600.400	8.125.478.700

Ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

